

**MỘT VÀI ĐIỂM NỔI BẬT CỦA  
VĂN XUÔI VIỆT NAM HẢI NGOẠI SAU NĂM 1975**  
SOME STRIKING POINTS OF OVERSEA VIETNAMESE PROSE AFTER 1975

*Hoàng Thị Thu Hiền*

*Cao học Văn học Việt Nam K24 – Đại học Đà Nẵng*

Email: hatrang0189@gmail.com

**TÓM TẮT**

Với những người Việt Nam tha hương, văn hóa – văn học là kênh giao tiếp hữu hiệu giúp họ gửi gắm nỗi niềm thầm kín của mình đối với cố hương. Âm ảnh quá khứ, mặc cảm về thân phận nhập cư, khát vọng hợp lưu và hội nhập... luôn in dấu trong sáng tác văn xuôi của các nhà văn xa xứ. Đi vào khảo sát một vài điểm nổi bật của văn xuôi Việt Nam hải ngoại sau năm 1975, bài viết hi vọng sẽ đem đến một định hướng tiếp cận phù hợp cho bạn đọc.

**Từ khóa:** văn học/ văn xuôi Việt nam hải ngoại; văn học di dân; lưu vong; hợp lưu - hội nhập.

**ABSTRACT**

As for the Vietnamese people who live in foreign land, it's the culture – literature as an effective means of communication which helps them convey their intimate feeling to the native land. Being haunted by the past, guilty about the immigration status and aspirations for confluence and integration, etc. were always imprinted in expatriate writers' composing. Through the survey on some striking points of oversea Vietnamese prose after 1975, it is expected that this article will provide a suitable approach orientation for readers.

**Key words:** oversea Vietnamese prose; immigrant literature; exile; confluence and integration.

**Mở đầu**

Mặc dù được manh nha từ những năm đầu thế kỉ nhưng phải đến năm 1975, biến cố chính trị quốc gia đã kéo theo một đội ngũ nhà văn Việt lưu vong, tạo tiền đề cho việc hình thành một sinh hoạt văn chương “ngoài biên giới” phong phú và sôi động. Những năm gần đây, văn học Việt Nam hải ngoại đang từng bước chinh phục độc giả quốc tế bằng những tác phẩm cảm động về đất nước và con người Việt Nam, thực sự làm nên một diện mạo mới, góp phần mở rộng tầm bản đồ của văn chương Việt Nam đương đại.

**Văn xuôi Việt Nam hải ngoại sau năm 1975 trong bức tranh chung của văn học di dân thế giới**

*Văn học di dân* (còn gọi là *văn học lưu vong* hay *văn học hải ngoại*) là khái niệm được dùng phổ biến để chỉ sáng tác của các nhà văn sống ở nước ngoài. Đây là mảng văn chương xuất hiện ở Âu – Mỹ từ trên 100 năm nay, khởi đầu với Josept Conrad, tiếp theo là những tên tuổi lớn như James

Joyce, Thomas Mann, Samuel Beckett, Vladimir Nabokov, Jorge Luis Borges, Gabriel Garcia Marquez... Ở dòng văn học này, các nhà văn có thể sáng tác tác phẩm của mình bằng tiếng mẹ đẻ hoặc tiếng nước sở tại. Vì vậy, sáng tác của họ luôn đứng giữa hoặc vượt qua lằn ranh của hai ý thức hệ: ý thức hệ đang tồn tại trên quê hương họ và ý thức hệ đang chủ trì trên chính quốc gia mà hiện thời họ sinh sống.

Trong những thập niên cuối thế kỉ XX và những năm đầu thế kỉ XXI, con số những nhà văn di dân trên thế giới ngày càng đông và tác phẩm của họ hiện đang được độc giả khắp hành tinh tán thưởng nồng nhiệt. Ở Châu Á, trong những năm gần đây, văn học di dân cũng đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Những cái tên Cáp Kim, Amy Tan (nhà văn Trung Quốc), Philip Kan Gotanda, Karen Tei Yamashita (nhà văn Nhật Bản), Nora Okja Keller, Sook Nyul Choi (nhà văn Hàn Quốc) hay Monique Trương, Le Thi Diem

Thuy (nhà văn Việt Nam)... đã trở nên quen thuộc đối với độc giả văn chương thế giới.

Đặt trong mối tương quan với văn học di dân thế giới và khu vực, văn học di dân Việt Nam cũng phát triển và đạt được những thành tựu nổi bật vào cuối thế kỉ XX, đặc biệt là sau năm 1975. Sáng tác văn chương của các nhà văn Việt Nam xa xứ có thể được phân ra hai dòng: “dòng chính” (Mainstream Literature) bao gồm sáng tác của các nhà văn gốc Việt được viết bằng tiếng nước sở tại và “dòng thiểu số” (Ethnic Literature) bao gồm sáng tác được viết bằng tiếng mẹ đẻ. Những nhà văn thuộc “dòng chính” tiêu biểu như Monique Trương, Bích Minh Nguyen, Le Thi Diem Thuy, Dương Văn Mai Elliott... ở Hoa Kỳ, Linda Lê ở Pháp, Nam Lê ở Úc... Những tác giả thuộc thế hệ một rưỡi hay thế hệ thứ hai này ít bị mặc cảm quá khứ chi phối nên tư duy của họ mới mẻ và sáng tác của họ cũng dễ hòa nhập vào dòng chảy văn chương nơi mảnh đất họ định cư. Tuy nhiên, tác phẩm của họ hầu như vẫn là “người lạ” với bạn đọc tiếng Việt. Còn những tác giả thuộc “dòng thiểu số” viết bằng tiếng mẹ đẻ như Võ Phiến, Mai Thảo, Nhã Ca, Trùng Dương..., thành công của họ chủ yếu được công nhận trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Đối với độc giả trong nước, việc tiếp cận và bình giá các tác phẩm văn chương hải ngoại này còn có phần hạn chế và dè dặt, trừ một vài trường hợp hiếm hoi các tác giả có sách in trong nước như Nguyễn Mộng Giác, Lữ Quỳnh, Trần Hoài Thư, Trần Mộng Tú.

Tuy nhiên, những năm gần đây các tác phẩm hải ngoại viết bằng tiếng mẹ đẻ đã xuất hiện ngày càng nhiều trong đời sống văn chương dân tộc. Những cái tên Phạm Hải Anh, Lê Minh Hà, Mai Ninh, Thuận, Đoàn Minh Phượng... đã trở nên gần gũi với độc giả Việt. Bên cạnh đó, tác phẩm của các nhà văn “dòng chính” như Linda Lê, Nam Lê cũng bắt đầu được dịch và giới thiệu đến độc giả trong nước. Dẫu số lượng chưa nhiều và còn có phần dè dặt, nhưng phải nhận thấy rằng, cuối thế kỉ XX và đặc biệt là vào thập niên đầu của

thế kỉ XXI, sáng tác của các nhà văn Việt Nam xa xứ được in tại quê nhà đã thổi một luồng gió mới vào đời sống văn chương Việt.

### **Văn xuôi Việt Nam hải ngoại sau năm 1975 - nhu cầu văn hóa, văn học của người Việt Nam hải ngoại**

Hiện tượng người Việt Nam lưu vong trên khắp thế giới gắn liền với những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Trước năm 1975, người Việt Nam chỉ mới lẻ tẻ di trú ở một vài nước. Nhưng sau tháng Tư năm 1975, số người vượt biên đã lên tới gần hai triệu người.

Bơ vơ giữa đất khách, phần lớn những người Việt xa xứ chưa đọc được ngoại ngữ. Nhưng họ cần một cái gì đó để đọc, để tìm sợi dây liên hệ với tổ quốc, với thế giới xung quanh. Do đó, thưởng thức văn chương trở thành một nhu cầu tất yếu. Hiện tại, chưa có một công trình khảo sát nào có thể thống kê đích xác số lượng độc giả Việt Nam ở hải ngoại. Tuy vậy, xét theo địa dư thì hiện tại số độc giả sách Việt cư ngụ vùng Bắc Mỹ cao nhất, tiếp theo đó mới tới Âu châu và Úc châu. Nhu cầu thưởng thức văn chương của cộng đồng hải ngoại đông đảo như vậy đòi hỏi phải hình thành một đội ngũ người viết giàu tâm huyết và đủ nhiệt thành. Cùng với các nhà văn Việt Nam sống ở hải ngoại trước năm 1975, các nhà văn thế hệ một rưỡi hoặc hai đã nỗ lực vượt lên hoàn cảnh, tập hợp lực lượng sáng tác để hình thành một sinh hoạt văn học.

Với các nhà văn hải ngoại, viết dường như trở thành một nhu cầu giải bày cấp thiết đối với họ. Các tác phẩm văn xuôi ra đời dưới nhiều hình thức: thư, nhật kí, hồi kí, tùy bút, truyện ngắn, truyện dài... đều chung một mục đích là cung cấp thông tin văn hóa, chính trị cho bộ phận độc giả hải ngoại và thỏa mãn nhu cầu sáng tạo văn chương của người nghệ sĩ. Bên cạnh những trải nghiệm cá nhân về những năm tháng sinh sống trên vùng đất tạm dung, các nhà văn hải ngoại còn hướng ngòi bút của mình tới nhiều mảng đề tài quan trọng như kí ức về quê nhà, những va đập

Đông – Tây, giới thiệu văn hóa quê hương... Nỗ lực đáng ghi nhận của các nhà văn Việt Nam hải ngoại đã tạo nên một bức tranh văn học sôi động ở bên ngoài lãnh thổ.

Bên cạnh đó, báo chí và các nhà xuất bản cũng làm tốt vai trò cầu nối giữa tác phẩm và độc giả. Nhiều tờ báo đã trở thành những tập san văn học nghệ thuật có giá trị với nhiều tác phẩm văn xuôi được biên tập và xuất bản đều đặn, vừa là phương tiện *thông tin văn hóa*, vừa là phương tiện *thông tin văn học* hiệu quả. Đó cũng là nơi người Việt Nam hải ngoại gửi gắm những trăn trở, suy tư về cuộc sống xa quê, niềm hoài hương và khát khao hội nhập với cuộc sống cùng văn học chính quốc.

### Ám ảnh quá khứ và mặc cảm “bên lề”

Như một lẽ tất yếu, trong tâm thức của các cá thể di dân luôn tồn tại song song hai nền văn hóa khác nhau, thậm chí là đối chọi nhau. Và để có tiếng nói trong dòng văn học chính thống ở ngoại xứ, họ phải tìm cách dung hòa tình trạng một bên là “ngoại quốc”, một bên là “cố hương” trong bản sắc của mình. Tuy nhiên với những nhà văn di dân gắn bó máu thịt với mảnh đất chôn rau cắt rốn, việc cắt bỏ hoàn toàn một phần bản sắc thuộc về cội rễ của mình là điều không bao giờ xảy ra bởi hơn ai hết, họ ý thức rất rõ về nguồn gốc và giá trị của con người mình. Trong văn xuôi Việt Nam hải ngoại, những ám ảnh về quá khứ, hoài niệm về một thời đã qua trở thành tâm điểm, gốc rễ của mọi xúc cảm thực tại.

Với mỗi con người, không ai sống mà không cần kí ức, bởi lẽ kí ức là nguyên liệu của lịch sử và là nền tảng của văn hóa. Với những kẻ tha hương, họ cần kí ức và bị ám ảnh bởi kí ức một cách day dứt. Kí ức không chỉ là tài sản mà còn là bầu khí quyển thuần khiết mà họ có thể quay về trên bước đường di dân mệt mỏi. Cho nên những hoài niệm về cố quốc tất yếu trở thành một mảng đề tài lớn, chi phối sáng tác của các nhà văn hải ngoại thuộc các thế hệ khác nhau: Võ Phiến, Túy Hồng, Trùng Dương, Thanh Nam (thế hệ thứ nhất), Le Thi Diem Thuy, Monique Truong, Andrew Lam, Đoàn Minh Phượng (thế hệ thứ

hai)... Quê hương trong tâm cảm của họ không chỉ là chiến tranh, là sự chia lìa mà còn gắn liền với những truyền thống văn hóa của dân tộc. Đó là hình ảnh cây cầu khi ở miền quê Nam Bộ và chi tiết phóng sinh cầu phúc trong *Cầu khi* của Lan Cao; cúng Phật trong *Trộm đồ cúng Phật* của Bích Minh Nguyễn; ẩm thực Việt Nam trong truyện ngắn của Monique Truong... Tất cả tạo nên một màn sương huyền ảo về hoài niệm quê hương trong văn xuôi Việt Nam hải ngoại.

Ám ảnh quá khứ đã khiến cho tâm lí lưu vong trở thành một thứ tâm lí bảo thủ. Nỗi nhớ quê hương, cố quốc đã biến mọi hình ảnh họ lưu giữ trong quá khứ trở nên lấp lánh, đẹp đẽ hơn bao giờ hết. Đối sánh với những hình ảnh hóa thạch ấy, thực tại nào với họ cũng trở thành lạ lẫm. Chính vì mang tâm lí bảo thủ này nên những nhà văn di dân trở thành những kẻ xa lạ với văn học quốc gia mình định cư. Với sinh hoạt văn chương dân tộc, chỗ đứng của họ cũng nhạt nhòa. Ở đâu họ cũng cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, cũng là “người ngoại quốc” như cách nói của Julia Kristeva, bởi không gian mà họ thuộc về lại nằm trên lằn ranh giữa các quốc gia, giữa các nền văn hóa, giữa đó và đây, giữa quá khứ và hiện tại. Cảm giác thuộc về bất cứ đâu đã mang tới cho các nhà văn mặc cảm của một trú dân với tâm thế vô xứ. Họ là những “nhà thơ bị mất nhà” (unhoused), là những “kẻ lang thang băng qua ngôn ngữ”. Tâm thế vô xứ hiện diện trong văn xuôi Việt Nam hải ngoại qua nỗi cô đơn, lạc loài, sự mất mát, phiêu dạt, bất định. Đường như các nhà văn bị phân thân giữa quê cũ và vùng đất mới, giữa tình cảm và lý trí, giữa quá khứ và hiện tại, giữa hoài niệm và hoài bão... Hậu quả của sự phân thân ấy là nhà văn lưu vong bị biến thành người đứng bên lề với sinh hoạt văn học trong nước và ở quốc gia sở tại, họ cũng chỉ là một nhà văn sắc tộc khiêm tốn, đứng ngoài cuộc.

Với nhà văn hải ngoại, hòa nhập vào văn chương “dòng chính” không phải là hành động một sớm một chiều. Đặc biệt, để đạt tới đỉnh cao lại là một quá trình đầy chông gai thử thách. Bởi thật không dễ dàng khi nhà văn phải sử dụng ngoại ngữ như một ngôn ngữ văn học chứ không chỉ là

ngôn ngữ giao tiếp đơn thuần. Hiện nay, trên thế giới, số lượng nhà văn Việt Nam lưu vong sử dụng song ngữ thành công rất hiếm hoi dù con số thử nghiệm có thể lên đến hàng chục ngàn, thậm chí, hàng trăm ngàn. Còn lại tuyệt đại đa số, dù muốn hay không cũng làm “tù nhân chung thân của tiếng mẹ đẻ” (từ dùng của Nguyễn Hưng Quốc), tìm thú vui trong cộng đồng sắc tộc nhỏ bé của mình. Độc giả không nhiều, người tri âm văn chương lại càng hiếm hoi, những nhà văn xa xứ ắt cảm thấy lạc lõng. Bởi vậy, “Ở hải ngoại, viết văn không thể là một nghề nghiệp mà trên thực tế, cũng không còn là danh phận. Viết văn trở thành một cách hành lạc đầu đón của những người bị bắt lực” [5].

### Khát vọng hợp lưu và hội nhập

Những năm gần đây, trong văn xuôi Việt Nam hải ngoại, nổi hoải hương phảng phất chút trầm buồn đã được thay thế bởi tâm thế hợp lưu và hội nhập.

Với mong muốn xóa đi những hằn học quá khứ để sáng tạo với tâm thế hòa hợp và cởi mở hơn, để những trang văn nơi xứ người không mất đi hồn dân tộc, nhiều tác phẩm văn xuôi hải ngoại đã thể hiện được “khát vọng chung của dân tộc, tấn công mạnh mẽ vào thành trì lạc hậu, tha hóa, chia rẽ, lầm than, đói nghèo, vong thân cũng như phô diễn được cái đẹp, cái hay của ngôn ngữ Việt” [4]. Các tác phẩm văn xuôi của Nhật Tiến, Đỗ Khiêm, Đỗ Mạnh Trinh, Hoàng Khởi Phong... lần lượt ra đời đều hướng tới mục tiêu sáng tạo giàu tính nhân văn ấy.

Cùng với khát vọng tìm về bản sắc văn hóa dân tộc, văn xuôi hải ngoại cũng nỗ lực hết mình để hòa chung với dòng văn học của quốc gia họ định cư. Nhìn chung, nét lạc quan đã trở lại trong sáng tác của những nhà văn xa xứ. Phạm vi những vấn đề mà các tác giả đề cập tới được mở rộng và trình độ tư tưởng - nghệ thuật của tác phẩm được nâng cao rõ rệt. Phải thừa nhận rằng, xu hướng toàn cầu hóa sôi nổi trên văn đàn thế giới đã tác động tích cực tới văn chương hải ngoại Việt Nam. Kinh nghiệm hội nhập vào cuộc sống mới trở thành đề tài chủ yếu trong các tác phẩm (phần lớn

là truyện ngắn) của các nhà văn thuộc thế hệ thứ hai viết bằng tiếng Việt: Phạm Thị Ngọc, Nguyễn Hoàng Nam, Ngọc Khôi, Hoàng Mai Đạt, Dương Như Nguyễn, Vũ Quỳnh N.H., Đỗ Kh., Bùi Diễm Âu, Võ Đình, Phan Nhiên Hạo, Nguyễn Hương, Nguyễn Danh Bằng ở Mỹ; Thụy Khuê, Trần Vũ, Mai Ninh, Thuận ở Pháp; Nam Giao ở Canada; Lê Minh Hà ở Đức... Họ tập trung viết về cuộc sống hiện tại nơi vùng đất định cư, tự tin, thoải mái trong việc thể hiện tình cảm và bộc lộ những nhận định, đánh giá.

Bên cạnh những nhà văn hội nhập văn chương bằng những tác phẩm văn xuôi viết bằng tiếng Việt, một bộ phận không nhỏ đã chuyển sang tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc các thứ tiếng khác với tư cách là công cụ sáng tác và giao tiếp. Tác phẩm của họ đã thu hút được sự chú ý của những nhà xuất bản sách và giới phê bình văn học bản xứ. Andrew Lam, Monique Trương, Aime Phan, Lan Cao, Kien Nguyễn, Le Thi Diem Thuy, Dao Strom, Nguyễn Minh Bit, Mộng Lan... đã làm nên diện mạo mới cho văn xuôi Việt Nam hải ngoại tại Mỹ. Kim Lefevr và Linda Lê đã viết những áng văn xuôi rất hay bằng tiếng Pháp. Ở Úc, nhà văn trẻ Nam Lê cũng thử nghiệm những truyện ngắn đầu tay bằng tiếng Anh... Họ cũng đã giành được nhiều giải thưởng lớn của văn học chính quốc và thế giới. Cuốn *Book of Salt* (NXB Houghton - Mifflin, 2003) của Monique Trương được trao tặng nhiều giải văn chương giá trị ở Mỹ như của Hiệp hội thư viện Hoa Kỳ năm 2004, nhận được tài trợ để sáng tác của PEN/American Robert Bingham Fellowship. Với tác phẩm đầu tay *We Should Never Meet* (Chúng ta đừng nên gặp nhau), Aime Phan đã được giải *Sách Quý* của Kiriyama Prize về tiểu thuyết và vào chung khảo giải *Asian American Literary* năm 2005. Linda Lê cũng giành được nhiều giải thưởng lớn của văn học Pháp: giải thưởng *Tài năng Vocation* (1990), giải *Fénéon* (1997), giải *Prix Femina, Grand Prix* của Viện Hàn lâm Pháp (2007). Nam Lê với tập truyện ngắn *The Boat (Con thuyền – NXB Hội nhà văn, 2011)* đã được trao tặng nhiều giải thưởng văn chương danh giá: *Dylan Thomas Prize* (2008), *Australian*

*Prime Minister's Literary Award* (2009), *PEN/Malamud Award for Excellence in the Short Story* (2010)... Mới đây, Lại Thanh Hà - nhà văn Mỹ gốc Việt giành giải *Newbery Honor Book 2012* và trước đó là giải *National Book Award 2011* của văn học Mỹ cho hạng mục *Young People Literature* (Văn học trẻ)... Những thành tựu đạt được trong những năm qua đã góp phần khẳng định tiềm năng và sự trưởng thành của các cây bút Việt trên đấu trường văn chương quốc tế.

### **Kết luận**

Như vậy, từ nhu cầu tin tức, thông báo thiết thực trong những ngày đầu nhập cư, những nhà văn di

dân đã đặt nền móng và bước đầu tạo nên một cộng đồng văn chương hải ngoại đa dạng, vừa không ngừng cách tân để phù hợp với xu thế văn chương toàn cầu, vừa lưu giữ những bản sắc vốn có của văn chương dân tộc. Sự xuất hiện ngày càng đông đảo các tác phẩm văn xuôi hải ngoại trong những năm gần đây đã khuấy động đời sống văn chương Việt, đồng thời giúp bạn đọc trong nước hiểu hơn về cuộc sống nơi một trú xứ xa lạ và những trăn trở suy tư của một bộ phận người Việt tha hương.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Lê Tiến Dũng (2003), *Giáo trình lý luận văn học (Phần Tác phẩm văn học)*, NXB Đại học quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Nguyễn Mộng Giác (2004), “Khả năng và triển vọng của văn học hải ngoại”, *Nghĩ về văn học hải ngoại*, NXB Văn Mới, California, USA.
- [3] Nguyễn Văn Nam (1996), “Văn học hải ngoại như một món quà cho quê hương”, *Tạp chí Văn học*, Nam California, Số 119 – tháng 3/1996.
- [4] Nguyễn Vĩnh Nguyên (2005), *Văn học hải ngoại: “Dòng riêng” có gặp “dòng chung”*, nguồn: [http://sgt.vn/oldweb/cacsobaotruoc/520\\_22/p30\\_dongriengcogapdongchung.htm/](http://sgt.vn/oldweb/cacsobaotruoc/520_22/p30_dongriengcogapdongchung.htm/), truy cập: 15/02/2013.
- [5] Nguyễn Hưng Quốc (2000), “Sống và viết như những người lưu vong”, *Văn học Việt Nam từ điểm nhìn hậu hiện đại*, NXB Văn nghệ, California, Hoa Kỳ.
- [6] Thụy Khuê (1999), *Thư tìm một lối tiếp cận văn học sử về hai mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại 1975 – 2000*, nguồn: <http://thuykhue.free.fr/stt/v/tiepcan.html/>, truy cập: 05/01/2013.
- [7] Hoàng Ngọc Tuấn (1998), *Vấn đề ngôn ngữ trong văn chương lưu vong*, Nguồn: <http://www.tienve.org/home/viet/viewVietJournals.do?action=viewArtwork&artworkId=195/>, truy cập: 25/03/2013.
- [8] Trần Lê Hoa Tranh (2011), *Văn học di dân Việt Nam trong bối cảnh văn học di dân các nước Đông Á tại Hoa Kỳ*, nguồn: <http://phebinhvanhoc.com.vn/?p=2984>, truy cập: 02/03/2013.